

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt tại thành phố Đồng Xoài và huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Phước làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt tại thành phố Đồng Xoài và huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Phước làm chủ đầu tư và Công văn số 2288/STNMT-CCBVM ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt do Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Phước làm chủ đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 297/TTr-STNMT ngày 29 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Phước (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại thành phố Đồng Xoài và huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước với các nội

dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.


Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài, Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú, Chủ tịch UBND phường Tân Đông, Chủ tịch UBND phường Tân Thiện, Chủ tịch UBND phường Tân Xuân, Chủ tịch UBND xã Tiên Hưng, Chủ tịch UBND thị trấn Tân Phú, Chủ tịch UBND xã Đồng Tiến, Chủ tịch UBND xã Tân Hưng, Chủ tịch UBND xã Tân Lợi, Chủ tịch UBND xã Tân Phước, Người đại diện theo pháp luật của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Phước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT(BH-06-QĐPD-30/6).

K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG THOÁT LŨ SUỐI RẬT
TẠI THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI VÀ HUYỆN ĐỒNG PHÚ,
TỈNH BÌNH PHƯỚC DO BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG TỈNH BÌNH PHƯỚC LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 30. tháng 6.. 2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên Dự án: Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt.

- Chủ Dự án đầu tư: Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 727, Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Đại diện: Ông Đinh Tiến Hải; chức danh: Giám đốc.

Địa điểm thực hiện dự án: Thành phố Đồng Xoài và huyện Đồng Phú.

1.2. Phạm vi, quy mô: Tổng diện tích sử dụng đất của dự án 94,56 ha.

Nạo vét, khơi thông lòng suối hiện trạng, thực hiện nắn chỉnh, gia cố một số vị trí, chiều dài tuyến suối sau khi nắn chỉnh khoảng 24,2 km. Điểm đầu tuyến cách cầu số 2 trên Quốc lộ 14 khoảng 1,0 km về phía thượng lưu; điểm cuối tuyến qua cầu ông Ký khoảng 4,3 km về phía hạ lưu.

1.3. Công nghệ của Dự án: Tăng cường khả năng tiêu thoát lũ qua Suối Rạt nhằm tiêu thoát, giảm ngập úng cho khu vực tại 04 phường, xã: Tân Đồng, Tân Thiện, Tân Xuân, Tiến Hưng thuộc thành phố Đồng Xoài và 05 xã, thị trấn: Đồng Tiến, Tân Phước, Tân Hưng, Tân Lợi, Tân Phú thuộc huyện Đồng Phú.

1.4. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Tuyến kênh, cửa xả, hoàn trả mặt bằng...

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng: Bụi, khí thải phát sinh do hoạt động giải phóng mặt bằng; bụi, khí thải phát sinh do hoạt động đào đắp, thi công các hạng mục công trình; bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị; bụi, khí thải từ các hoạt động hàn, cắt, xì hàn kim loại; khí thải từ máy phát điện dự phòng; nước thải sinh hoạt; nước thải thi công xây dựng; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động: Không phát sinh.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư:

3.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng Dự án:

- Nước thải xây dựng: Lưu lượng phát sinh khoảng 10,1 m³/ngày; thành phần chủ yếu là cặn bẩn và các chất rắn lơ lửng...

- Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng phát sinh khoảng 12 m³/ngày; chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm gồm: BOD₅, COD, TSS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng coliform.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động: Không phát sinh.

3.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án:

- Bụi, khí thải trong quá trình giải phóng mặt bằng: Chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO₂, NO_x, CO, VOC.

- Bụi, khí thải phát sinh do đào đắp, thi công các hạng mục công trình: Chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO₂, NO_x, CO, VOC.

- Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyên, máy móc thi công: Chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO₂, NO₂, CO, HC.

- Bụi, khí thải từ các hoạt động hàn, cắt, xì hàn kim loại: Chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm như: Khói hàn, CO, NO_x...

- Khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng: Chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO₂, NO_x, CO, THC.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Không phát sinh.

3.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

3.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- Chất thải rắn xây dựng: Khối lượng chất thải rắn phát sinh trong quá trình giải phóng mặt bằng khoảng 72.094,3 tấn gỗ và 570,66 tấn thực bì; khối lượng đất đào dư thừa cần xử lý 464.214,8 tấn và khối lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh khoảng 2.842,624 tấn trong quá trình xây dựng (36 tháng), chủ yếu là các loại nguyên vật liệu xây dựng phế thải, rơi vãi như xi măng, gạch vỡ, sắt thép vụn, bao bì đựng vật liệu, vữa bê tông...

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát sinh khoảng 135 kg/ngày; chủ yếu là rác thực phẩm, vỏ bao bì, hộp đựng bằng nhựa, giấy, thủy tinh, kim loại...

- Chất thải nguy hại: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 927,73 kg/tháng, bao gồm các loại chất thải như dầu nhớt qua sử dụng thải bỏ; giẻ lau, găng tay dính dầu nhớt; thùng chứa sơn, thùng chứa dầu nhớt; bóng đèn huỳnh quang thải có chứa thủy ngân; dầu động cơ, hộp số, bôi trơn tổng hợp thải; bình ắc quy thải...

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động: Không phát sinh.

3.4. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

3.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án: Tiếng ồn, rung gây ra do phương tiện vận tải từ việc chuyên chở bốc dỡ vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị phục vụ thi công trên công trường xây dựng như máy xúc, máy ủi, máy trộn bê tông, máy khoan, máy nén khí...

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động: Không phát sinh.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

4.1.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng Dự án:

- Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải từ quá trình thi công xây dựng: Nước thải từ quá trình thi công xây dựng được thu gom về hố lắng (kích thước 3,5 m × 2,0 m × 2,0 m; bê tông cốt thép) để xử lý. Bụi, đất, cát có trong nước thải được lắng xuống và phần nước sau lắng được tái sử dụng cho việc rửa xe, tưới đường để giảm thiểu bụi trong giai đoạn thi công, xây dựng.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt: Chủ Dự án thuê 08 nhà vệ sinh di động để thu gom nước thải sinh hoạt phát sinh của Dự án. Mỗi nhà vệ sinh di động có dung tích bồn nước 780 lít và bể chứa phân có dung tích 1.000 lít. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Nước thải sinh hoạt của công nhân phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định. Nước thải xây dựng phải được thu gom, lắng cặn trước khi tái sử dụng cho quá trình tưới đường để giảm thiểu bụi trong giai đoạn thi công, xây dựng.

4.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Không phát sinh.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:

4.2.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng Dự án:

- Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng: Trong quá trình xây dựng, đơn vị thi công thường xuyên phun nước tưới ẩm để giảm lượng bụi; trang bị thiết bị bảo hộ lao động nhằm hạn chế ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp, thi công các hạng mục công trình: Các hạng mục gần khu dân cư được che chắn bằng tôn hoặc bạt cao, tưới nước giảm bụi ở các khu vực có khả năng phát sinh bụi, thi công theo phương pháp cuốn chiếu...

- Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công: Che phủ hợp lý để tránh phát tán bụi, sử dụng các loại dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp, các phương tiện phải giảm tốc độ khi ra vào Dự án và tắt máy khi bốc dỡ...

- Biện pháp giảm thiểu tác động do hoạt động hàn, cắt, xì hàn kim loại: Bố trí

khu vực hàn, xỉ ở nơi có ít người qua lại và cuối hướng gió; trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân.

- Biện pháp giảm thiểu khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng: Máy phát điện sử dụng trong trường hợp mất điện, không bố trí máy phát điện gần nơi dân cư, lán trại công nhân; máy phát điện có bộ phận thanh lọc khí thải kèm theo; thường xuyên bảo dưỡng máy phát điện; sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

4.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động: Không phát sinh.

4.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại:

4.3.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng Dự án:

- Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn xây dựng: Tiến hành tận thu đối với khối lượng cây gỗ; thu gom đốt có kiểm soát, chôn lấp tại khu vực dự án đối với thực bì. Tiến hành thu gom khối lượng đất đào dư thừa về các bãi thải bố trí dọc suối, không vận chuyển ra khỏi dự án và có phương án xử lý theo đúng quy định. Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh, tận dụng san nền tại chỗ với đất, đá, gạch... Thu gom lượng chất thải xây dựng không thể tận dụng về kho chứa tạm diện tích 05 m² (mái che, nền làm bằng xi măng...) sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị thùng chứa rác HDPE với thể tích 120 lít có nắp đậy để chứa chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại: Thu gom, phân loại vào thùng chứa có nắp đậy sau đó lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại tạm thời với diện tích 04 m² (kết cấu: tường gạch, nền bê tông, tường bằng tôn bao xung quanh, mái che được lợp bằng tôn, có gờ bao, hồ thu gom chất thải rò rỉ...) và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phải được quản lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

4.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động: Không phát sinh.

4.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

4.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- Sử dụng các loại xe chuyên dụng ít gây tiếng ồn; quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực đang thi công; thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra các phương tiện giao thông...

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

4.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động: Không phát sinh.

4.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- Việc khai thác, quản lý vận hành công trình phải tuân thủ Luật Thủy lợi, các Nghị định, Thông tư quy định hướng dẫn về Luật Thủy lợi và các quy định có liên quan của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Giảm thiểu sự cố sụt lún, ngập úng: Để giảm thiểu sự cố ngập úng khi dự án đi vào hoạt động, đặc biệt là trước mùa mưa bão, các cống thoát nước phải được đơn vị có chức năng quản lý thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị, chất lượng công trình tiêu thoát nước và thực hiện nạo vét cống định kỳ. Đảm bảo chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật của các công trình khi thi công xây dựng, tránh việc sử dụng, cắt giảm, thay thế các loại nguyên vật liệu không phù hợp.

- Giảm thiểu sự cố hư hại cầu và các công trình khác (cửa xả, bờ đê): Thường xuyên kiểm tra các công trình cầu, cống, cửa xả, đê... để kịp thời phát hiện các công trình có dấu hiệu hư hỏng và xuống cấp, nhanh chóng đề xuất và đưa ra các biện pháp khắc phục. Thực hiện quá trình duy tu, bảo dưỡng định kỳ các công trình hạng mục theo thời gian quy định để tránh việc hư hỏng nặng mới sửa chữa dẫn đến tốn kém về chi phí và nguy hiểm cho con người khi sự cố xảy ra.

- Giảm thiểu sự cố về sạt lở móng cầu, cửa xả: Định kỳ bảo dưỡng và duy tu các công trình như móng cầu và cửa xả để có thể kịp thời ứng phó với các thiên tai và độ xiết của dòng chảy khi mưa lớn.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án đầu tư:

5.1. Chương trình giám sát giai đoạn xây dựng:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh:

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại đầu tuyến Dự án, 01 điểm tại giữa tuyến và 01 điểm tại cuối tuyến Dự án.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, bụi, SO₂, NO_x, CO, tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng: QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn về chất lượng không khí xung quanh.

5.1.2. Giám sát chất lượng môi trường nước mặt:

- Thông số giám sát: Độ đục, pH, DO, TSS, BOD₅, COD, Cl⁻, NO_x⁻, PO₄³⁻, Cu, Zn, Fe, Mn, E.coli, coliform.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại đầu tuyến Dự án, 01 điểm tại giữa tuyến và 01 điểm tại cuối tuyến Dự án.

- Quy chuẩn so sánh: Cột B1, QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.1.3. Giám sát chất thải rắn và chất thải rắn nguy hại:

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và theo quy định hiện hành.

5.2. Chương trình giám sát giai đoạn hoạt động:

5.2.1. Giám sát chất lượng công trình:

- Giám sát công trình, kiểm tra có dấu hiệu sụt lún, nứt, nghiêng và các dấu hiệu bất thường khác có khả năng gây sập đổ, mất an toàn trong quá trình sử dụng.

- Giám sát kết cấu nhịp, móng, trụ cầu, các công trình an toàn giao thông.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực bờ suối, 01 vị trí tại khu vực lòng suối và 01 vị trí tại khu vực hạ lưu.

- Tiêu chuẩn/Quy chuẩn đánh giá: Đối chiếu, so sánh với các yêu cầu về kỹ thuật theo quy định hiện hành.

5.2.2. Giám sát dòng chảy của suối Rạt:

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại lòng suối đoạn đầu tuyến và 01 vị trí tại lòng suối đoạn cuối tuyến.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác:

6.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.2. Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

6.3. Trong quá trình thực hiện Dự án, Chủ Dự án phải cam kết đảm bảo khả năng tiêu thoát lũ qua suối Rạt, không để xảy ra tình trạng ngập lụt ảnh hưởng đến khu dân cư và đất canh tác nông nghiệp của người dân xung quanh Dự án.

6.4. Trong quá trình triển khai, Dự án có những thay đổi so với nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

6.5. Thực hiện các yêu cầu của địa phương về việc ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án tại:

- Công văn số 500/UBND ngày 15 tháng 6 năm 2022 của UBND phường Tân Đông, Công văn số 05/CV-MT-BTT ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Tân Đông và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại UBND phường Tân Đông.

- Công văn số 114/UBND-KT ngày 16 tháng 6 năm 2022 của UBND phường Tân Thiện, Thông báo số 11/TB-MTTQ-BTT ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Tân Thiện và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại UBND phường Tân Thiện.

- Công văn số 154/UBND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của UBND phường Tân Xuân, Công văn số 07/MTTQ-BTT ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Tân Xuân và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại UBND phường Tân Xuân.

- Công văn số 280/CV-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của UBND xã Tiến Hưng, Công văn số 19/CV-MTTQ ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Tiến Hưng và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 06 tháng 7 năm 2022 tại UBND xã Tiến Hưng.

- Công văn số 115/UBND ngày 18 tháng 8 năm 2022 của UBND thị trấn Tân Phú, Công văn số 34/MTTQ ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị trấn Tân Phú và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 17 tháng 8 năm 2022 tại UBND thị trấn Tân Phú.

- Công văn số 76/UBND ngày 04 tháng 7 năm 2022 của UBND xã Đồng Tiến, Công văn số 37/MTTQ-BTT ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Đồng Tiến và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 04 tháng 7 năm 2022 tại UBND xã Đồng Tiến.

- Công văn số 158/UBND ngày 12 tháng 9 năm 2022 của UBND xã Tân Hưng, Công văn số 03/CV-MTTQ ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Tân Hưng và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại UBND xã Tân Hưng.

- Công văn số 18/UBND ngày 17 tháng 8 năm 2022 của UBND xã Tân Lợi, Công văn số 26/MTTQ ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Tân Lợi và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 17 tháng 8 năm 2022 tại UBND xã Tân Lợi.

- Công văn số 280/UBND ngày 24 tháng 6 năm 2022 của UBND xã Tân Phước, Công văn số 23/CV-MTTQ-BTT ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Tân Phước và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 24 tháng 6 năm 2022 tại UBND xã Tân Phước.

6.6. Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật phòng, chống và khắc phục các sự cố do sụt lún, sạt lở, ngập lụt, vỡ bờ bao vào mùa mưa, các rủi ro và sự cố môi trường khác; trường hợp để xảy ra sự cố, Chủ Dự án phải chịu trách nhiệm theo đúng quy định pháp luật.

6.7. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.